

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-TÂY NINH**

Bản án số: 06/2025/DS-ST

Ngày 11 - 7 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Đình

Ông Đỗ Hữu Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng - Thư ký toà án của Tòa án nhân dân khu vực 5- Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tòng - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 140/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà A, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Phước Đ, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Hoặc ông Tăng S, sinh năm 1997 (có mặt);

Địa chỉ: V, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Cùng địa chỉ liên lạc: Số A, đường Đ, khu phố P, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

Bị đơn:

1. Ông Phạm Văn B, sinh năm 1968 (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số nhà I, Ấp E, xã V, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Ngọc Q1, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà A, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Q1:

Ông Nguyễn Phước Đ, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Hoặc ông Tăng S, sinh năm 1997 (có mặt);

Địa chỉ: V, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Cùng địa chỉ liên lạc: Số A, đường Đ, khu phố P, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2025 và quá trình tố tụng, ông Tăng S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 17 tháng 01 năm 2023 (nhằm ngày 26 tháng 12 năm 2022 Âm lịch), ông Nguyễn Văn P có cho ông Phạm Văn B vay số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng), mức lãi thỏa thuận là 10%/tháng, thời hạn vay là 2 tháng. Sau khi vay thì ông Phạm Văn B không trả tiền lãi và tiền gốc như thỏa thuận. Bà Nguyễn Thị Kim Q là vợ của ông B.

Do đó, ông Nguyễn Văn P yêu cầu ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Q liên đới trả cho ông P tiền gốc là 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi là 10%/năm. Thời gian tính lãi từ ngày 17 tháng 01 năm 2023 đến ngày 17 tháng 01 năm 2025 là 2 năm. Số tiền lãi là 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) x 10%/năm x 2 năm = 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng). Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của ông P xác định: Ông P yêu cầu thời gian tính tiền lãi ngày 17 tháng 01 năm 2023 đến ngày 11 tháng 7 năm 2025 là 2 năm 5 tháng 24 ngày với số tiền lãi là 32.217.400đ (ba mươi hai triệu hai trăm mười bảy nghìn bốn trăm đồng) nhưng ông P chỉ yêu cầu ông B, bà Q trả tiền lãi là 31.000.000đ (ba mươi một triệu đồng).

Ông Nguyễn Văn P rút yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 367, tờ bản đồ số 13, diện tích 80,4 m² đất tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An giữa ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Q với ông Nguyễn Thanh T.

Ông Phạm Văn B là bị đơn trình bày:

Ông có vay tiền của bà Huỳnh Thị Ngọc Q1, bà Q1 là vợ của ông Nguyễn Văn P nhưng khi vay lần đầu chỉ vay với số tiền gốc là 10.000.000đ (mười triệu đồng), cách nay hơn 10 năm với mức lãi là 10%/tháng những tháng ông không có tiền trả tiền lãi thì bà Q1 cộng vào tiền gốc đến khi dịch covid thì bà Q1 cộng lại ông còn nợ bà Q1 số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), cũng do dịch Covid 19 ông không có tiền trả cho bà Q1 nên đến ngày 17 tháng 01 năm 2023 (nhằm ngày 26 tháng 12 năm 2022 Âm lịch) bà Q1 tiếp tục kêu ông ký giấy chốt

số tiền ông nợ bà Q1 là 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng). Chữ ký trên chữ Phạm Văn B và chữ viết Phạm Văn B trong giấy mượn tiền ngày 26/12/2022 AL là chữ ký và chữ viết của ông. Mỗi lần ký thêm số tiền mới (thêm tiền lãi vào tiền gốc) thì bà Q1 cho ông xem giấy nợ cũ và xé bỏ giấy nợ nên ông không còn giữ. Vay tiền lần đầu và các lần tiếp theo ông chỉ đi một mình, không có ai chứng kiến. Đối với yêu cầu của phía nguyên đơn, ông chỉ đồng ý trả số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), việc trả tiền thành 2 lần: Lần thứ nhất trả 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), thời gian cuối cùng trả toàn bộ số tiền là ngày 30 tháng 12 năm 2025. Lần thứ hai trả 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), thời gian cuối cùng trả toàn bộ số tiền là ngày 30 tháng 12 năm 2026.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn P về việc yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 367, tờ bản đồ số 13, diện tích 80,4 m² đất tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An giữa ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Q với ông Nguyễn Thanh T. Ông B xác định ông, bà Q không có chuyển nhượng thửa đất nêu trên.

Ông Tăng S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bà Q1 trình bày:

Tiền cho ông B vay là của vợ chồng ông P và bà Q1. Ông P là người trực tiếp cho ông B vay tiền. Bà Q1 thống nhất với yêu cầu của ông P. Ông P không đồng ý theo số tiền và cách thức trả tiền phía bị đơn xác định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Việc thụ lý và giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo các quy định tại các Điều 26, 35, 39, 48, 68, 97 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng thời hạn và trình tự thủ tục.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng theo quy định tại các Điều 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Q trả tiền vay cho ông Nguyễn Văn P với tổng số tiền nợ là 161.000.000đ (một trăm sáu mươi một triệu đồng), trong đó tiền gốc 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi 31.000.000đ (ba mươi một triệu đồng).

Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn P về việc tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 367, tờ bản đồ số

13, diện tích 80,4 m² đất tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An giữa ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Q với ông Nguyễn Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn P và nơi cư trú của ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Q, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh tiếp tục giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Kim Q đến tham gia phiên hòa giải nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị Kim Q vắng mặt. Tòa án đưa vụ án ra xét xử tiếp tục triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Kim Q nhiều lần đến phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Kim Q vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim Q.

[3] Lời trình bày của ông Nguyễn Văn P trong đơn khởi kiện, phù hợp với giấy mượn tiền ngày 26 tháng 12 năm 2022 Âm lịch nên có căn cứ xác định: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

[4] Ông Nguyễn Văn P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Q trả tiền vay cho ông Nguyễn Văn P với tiền gốc 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi 31.000.000đ (ba mươi một triệu đồng) nhưng ông B cho rằng: Ông vay tiền của bà Huỳnh Thị Ngọc Q1, bà Q1 là vợ của ông Nguyễn Văn P nhưng khi vay lần đầu chỉ vay với số tiền gốc là 10.000.000đ (mười triệu đồng), cách nay hơn 10 năm với mức lãi là 10%/tháng những tháng ông không có tiền trả tiền lãi thì bà Q1 cộng vào tiền gốc đến khi dịch C thì bà Q1 cộng lại ông còn nợ bà Q1 số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), cũng do dịch Covid 19 ông không có tiền trả cho bà Q1 nên đến ngày 17 tháng 01 năm 2023 (nhằm ngày 26 tháng 12 năm 2022 Âm lịch) bà Q1 tiếp tục kêu ông ký giấy chốt số tiền ông nợ bà Q1 là 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng). Mỗi lần ký thêm số tiền mới (thêm tiền lãi vào tiền gốc) thì bà Q1 cho ông xem giấy nợ cũ và xé bỏ giấy nợ nên ông không còn giữ. Vay tiền lần đầu và các lần tiếp theo ông chỉ đi một mình, không có ai chứng kiến.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, ông B chỉ đồng ý trả số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), việc trả tiền thành 2 lần: Lần thứ nhất trả 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), thời gian cuối cùng trả toàn bộ số tiền là ngày 30 tháng 12 năm 2025. Lần thứ hai trả 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), thời gian cuối cùng trả toàn bộ số tiền là ngày 30 tháng 12 năm 2026.

Xét thấy: Quá trình tố tụng, ông Phạm Văn B xác định: Chữ ký trên chữ Phạm Văn B và chữ viết Phạm Văn B trong giấy mượn tiền ngày 26/12/2022 AL là chữ ký và chữ viết của ông. Ông Phạm Văn B là người đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên phải chịu trách nhiệm với việc làm của mình. Mặt khác, ông B không cung cấp chứng cứ chứng minh lời trình bày của ông là có căn cứ. Như vậy, có căn cứ xác định vào ngày 17 tháng 01 năm 2023 (nhằm ngày 26 tháng 12 năm 2022 Âm lịch), ông Phạm Văn B có vay tiền của ông Nguyễn Văn P với số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng).

[5] Xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Văn P với ông Phạm Văn B là hợp đồng vay tiền có thời hạn, có lãi. Ông Nguyễn Văn P yêu cầu ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Q trả tiền lãi, thời gian tính lãi từ ngày ngày 17 tháng 01 năm 2023 đến ngày 11 tháng 7 năm 2025 là 2 năm 5 tháng 24 ngày với số tiền lãi là 32.217.400đ (ba mươi hai triệu hai trăm mười bảy nghìn bốn trăm đồng) nhưng ông P chỉ yêu cầu ông B, bà Q trả tiền lãi là 31.000.000đ (ba mươi một triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, có lợi cho các bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Giữa ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị Kim Q có mối quan hệ là vợ chồng, ông B thừa nhận nợ vay. Đồng thời, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông B sử dụng tiền vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản, ông B cũng xác định vay tiền để trồng thanh long để có nguồn thu nhập chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Như vậy, ông Nguyễn Văn P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị Kim Q trả tiền vay là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn P yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 367, tờ bản đồ số 13, diện tích 80,4 m² đất tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An giữa ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Q với ông Nguyễn Thanh T. Xét thấy tại công văn số 603/CV.CNVPĐKĐĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai tại huyện C xác định: Hiện tại Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai tại huyện C chưa tiếp nhận hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Q với ông Nguyễn Thanh T. Đồng thời, tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút yêu cầu nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 367, tờ bản đồ số 13, diện tích 80,4 m² đất tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An giữa ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Q với ông Nguyễn Thanh T.

[8] Từ các phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Buộc ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Q có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn P với tổng số tiền nợ là 161.000.000đ (một trăm sáu mươi một triệu đồng), trong đó tiền gốc 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi 31.000.000đ (ba mươi một triệu đồng).

[9] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn P không phải chịu, ông P đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền 7.800.000đ (bảy triệu tám trăm nghìn đồng) và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được nhận lại.

Ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Q phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 8.050.000đ (tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Áp dụng các Điều 288, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Điều 27, Điều 30 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về việc buộc ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Q liên đới trả tiền vay.

Buộc ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Q trả tiền vay cho ông Nguyễn Văn P với tổng số tiền nợ là 161.000.000đ (một trăm sáu mươi một triệu đồng), trong đó tiền gốc 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi 31.000.000đ (ba mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn P về việc tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 367, tờ bản đồ số 13, diện tích 80,4 m² đất tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An giữa ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Q với ông Nguyễn Thanh T.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông đã nộp tiền tạm ứng án phí với tổng số tiền 8.100.000đ (tám triệu một trăm nghìn đồng), theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010785 ngày 26 tháng 02 năm 2025 với số 7.800.000đ (bảy triệu tám trăm nghìn đồng) và số 0010786 ngày 26 tháng 02 năm 2025 với số 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An, được nhận lại tổng số tiền 8.100.000đ (tám triệu một trăm nghìn đồng).

Ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Q phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 8.050.000đ (tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn P, bà Huỳnh Thị Ngọc Q1, ông Phạm Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm. Riêng bà Nguyễn Thị Kim Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (1b);
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh (2b);
- THA tỉnh Tây Ninh (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu HS (1b); Lưu VT (1b).

Diệp Song Tiền